

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HS-ST

Ngày: 29-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ.

Ông Lê Quang Nhuận.

Ông Sùng A Xà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/3/1972, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ (Đã chết) và con bà Bùi Thị G (Đã chết); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 03 tiền án (Ngày 19/02/1998, Bùi Văn L bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 10 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân và buộc L phải bồi thường số tiền 5.700.000 đồng. Đến ngày 31/8/2004, Bùi Văn L được đặc xá tha tù trước thời hạn. Ngày 30/9/2005, Bùi Văn L bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản và buộc L phải bồi thường cho bị hại 800.000 đồng, đến nay L vẫn chưa thi hành số tiền này. Ngày 05/7/2011, Bùi Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm e khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 51; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Cộng với thời gian chưa chấp hành của bản án trước 01 năm 06 tháng 01 ngày tù. Tổng hợp hình phạt buộc Bùi Văn L phải chấp hành là 09 năm 06 tháng 01 ngày tù. Ngày 06/8/2020, Bùi Văn L chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh

sống, đến nay chưa được xóa án tích), tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/5/2022, bị tạm giam từ ngày 06/5/2022 tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/7/1983, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C (Đã chết) và con bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1990 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/5/2022, bị tạm giam từ ngày 06/5/2022 tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L:* Bà Lò Thị X, Luật sư Công ty Luật TNHH H và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu K:* Ông Nguyễn Quang K, Luật sư Văn phòng Luật sư A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/4/2022, Bùi Văn L đang ở thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì Nguyễn Hữu K là người ở cùng xã đến chơi, vì biết K đã từng làm thuê ở tỉnh Điện Biên nên L hỏi K có biết ai bán ma túy thì giới thiệu cho L để L mua về bán. Do trước đây, K có lái máy xúc thuê để làm đường ở khu vực bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thời điểm đó K có quen biết Sùng A L là người dân tộc Mông nên K gọi điện hỏi Sùng A L, Sùng A L cho biết có ma túy bán, sau đó K cho số điện thoại của Sùng A L để L trao đổi. Trao đổi xong, L rủ K đi cùng để dẫn đường, L hứa khi xong việc sẽ trả công cho K bằng tiền hoặc ma túy, K đồng ý. Đến tối ngày 30/4/2022, L mang theo 70 triệu đồng là số tiền được bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp của gia đình rồi cùng K đón xe khách từ Thanh Hóa lên Điện Biên, khi lên xe K gọi điện hẹn Sùng A L sáng hôm sau ra xã M đón K và L. Khoảng 07 giờ ngày 01/5/2022, L và K lên đến bến xe khách tỉnh Điện Biên rồi 02 người tiếp tục thuê xe taxi chở vào xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tại đây K và L được Sùng A L đón và đưa tới 01 lán nường nằm ở đoạn đường đi qua bản S theo hướng về bản G, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên khi đến đây K và L gặp 01 người anh em của Sùng A L. Ngày 02/5/2022, L thỏa thuận mua 26 túi Methamphetamine với giá 50 triệu đồng của người anh em với Sùng A L trước sự chứng kiến của K và Sùng A L. Khoảng 21 giờ cùng ngày, L được người anh em của Sùng A L đưa cho 26 túi Methamphetamine rồi cùng nhau nghỉ qua đêm tại lán nường. Trước đó, K được

Sùng A L cho riêng 10 viên Methamphetamine và K đã sử dụng hết 02 viên, còn lại 08 viên K cho vào bao thuốc lá cất giấu trong túi quần đang mặc, mục đích mang về sử dụng và bán, việc này L không biết. Khoảng hơn 12 giờ ngày 03/5/2022, L được người anh em của Sùng A L cho 01 bao tải màu đỏ bên trong đựng khoảng 04 kg gạo nếp cẩm, ngay lúc đó L cất giấu 26 túi Methamphetamine trong bao gạo, đồng thời nhờ Sùng A L chở ra xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để đón xe taxi về bên xe khách tỉnh Điện Biên. Khi đến bến xe khách tỉnh Điện Biên L và K lên xe khách biển số 36B-024.73 của nhà xe H chạy tuyến Điện Biên – Thanh Hóa còn bao gạo chứa ma túy thì phụ xe để ở cửa lên xuống của xe khách. Khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, khi xe khách đến Km06+300 Quốc lộ 279 thuộc địa phận bản T, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên thì L và K bị Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng là 26 túi Methamphetamine có khối lượng 513,52 gam được L cất giấu trong bao gạo và thu giữ trong người K 08 viên Methamphetamine có khối lượng 0,89gam.

Tại Bản Kết luận giám định số 642/KL-KTHS ngày 11/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Tổng khối lượng các viên nén màu hồng thu giữ của Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K trong 26 túi nilon màu xanh, màu hồng là 513,52 gam.

- Tổng khối lượng 08 viên nén màu hồng thu giữ của Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K là 0,89 gam.

- 27 (hai mươi bảy) mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại Bản Cáo trạng số 72/CT-VKS-P1 ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn L và Nguyễn Hữu K đều phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Bùi Văn L 20 (Hai mươi) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 20 (Hai mươi) năm tù.

- Không áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 502,53 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại sau khi giám định, 01 bao gạo có khối lượng 4kg.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme (thu giữ của Bùi Văn L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi (thu giữ của Nguyễn Hữu K).

Trả lại cho bị cáo Bùi Văn L: 01 căn cước công dân số 038072012924 mang tên Bùi Văn L; 01 ví giả da màu đen đã cũ có chữ lacoste.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu K: 01 căn cước công dân số 038083014489 mang tên Nguyễn Hữu K; 01 ví giả da màu đen đã cũ.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo không tranh luận gì đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không bổ sung gì đối với nội dung bài bào chữa của người bào chữa. Lời nói sau cùng, các bị cáo đều biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo đều không có khiếu nại gì về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo và số ma túy đã kịp thời bị thu giữ, chưa phát tán ra ngoài xã hội để áp dụng; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Do gia đình các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm đã phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào ngày 03/5/2022 và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng của vụ án, các bị cáo đã khai rằng:

Do biết việc mua bán trái phép chất ma túy thu được nhiều lợi nhuận và cần có ma túy để sử dụng. Ngày 25/4/2022, Bùi Văn L đã bàn bạc với Nguyễn Hữu K vì biết K đã từng làm thuê ở tỉnh Điện Biên nên L hỏi K có biết ai bán

ma túy thì giới thiệu cho L để L mua về bán. Do K có quen biết Sùng A L là người dân tộc Mông nên K gọi điện hỏi Sùng A L, Sùng A L cho biết có ma túy bán, sau đó K cho số điện thoại của Sùng A L để L trao đổi. Trao đổi xong, L rủ K đi cùng để dẫn đường, L hứa khi xong việc sẽ trả công cho K bằng tiền hoặc ma túy, K đồng ý. Đến tối ngày 30/4/2022, L mang theo 70 triệu đồng rồi cùng K đón xe khách từ Thanh Hóa lên Điện Biên, khi lên xe K gọi điện hẹn Sùng A L sáng hôm sau ra xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đón K và L. Khoảng 07 giờ ngày 01/5/2022, L và K lên đến bến xe khách tỉnh Điện Biên rồi 02 người tiếp tục thuê xe taxi chở vào xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. K và L được Sùng A L đón và đưa tới 01 lán nường nằm ở đoạn đường đi qua bản S theo hướng về bản G, xã N, huyện Đ khi đến đây K và L gặp 01 người anh em của Sùng A L. Ngày 02/5/2022, L thỏa thuận mua 26 túi Methamphetamine với giá 50 triệu đồng của người anh em với Sùng A L trước sự chứng kiến của K và Sùng A L. Khoảng 21 giờ cùng ngày, L được người anh em của Sùng A L đưa cho 26 túi Methamphetamine rồi cùng nhau nghỉ qua đêm tại lán nường. Trước đó, K được Sùng A L cho riêng 10 viên Methamphetamine và K đã sử dụng hết 02 viên, còn lại 08 viên K cho vào bao thuốc lá cất giấu trong túi quần đang mặc, mục đích mang về sử dụng và bán, việc này L không biết. Khoảng hơn 12 giờ ngày 03/5/2022, L được người anh em của Sùng A L cho 01 bao tải màu đỏ bên trong đựng khoảng 04 kg gạo nếp cẩm, ngay lúc đó L cất giấu 26 túi Methamphetamine trong bao gạo, đồng thời nhờ Sùng A L chở ra xã M để đón xe taxi về bến xe khách tỉnh Điện Biên. Khi đến bến xe khách tỉnh Điện Biên L và K lên xe khách biển số 36B-024.73 của nhà xe H chạy tuyến Điện Biên – Thanh Hóa còn bao gạo chứa ma túy thì phụ xe để ở cửa lên xuống của xe khách. Khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, khi xe khách đến Km06+300 Quốc lộ 279 thuộc địa phận bản T, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên thì L và K bị Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng là 26 túi Methamphetamine có khối lượng 513,52 gam được L cất giấu trong bao gạo và thu giữ trong người K 08 viên Methamphetamine có khối lượng 0,89gam.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự, bởi vậy các bị cáo phải chịu hình phạt do pháp luật quy định.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi mua bán trái phép 513,52 gam Methamphetamine của bị cáo Bùi Văn L. Hành vi mua bán 514,41 gam Methamphetamine (gồm: 513,52 gam Methamphetamine L và K cùng nhau mua bán và 0,89 gam Methamphetamine thu giữ trong người của K) của bị cáo Nguyễn Hữu K đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét về tính chất của vụ án thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy và trật tự an toàn xã hội. Khối lượng ma túy các bị cáo đã mua bán trái phép là rất lớn.

Đề nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Bùi Văn L là người khởi xướng và bỏ tiền mua ma túy và là người trực tiếp mua ma túy, Nguyễn Hữu K là người giúp sức cho L để mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Hữu K; đối với Bùi Văn L vừa là người chủ mưu và bị áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm nên cần phải áp dụng hình phạt tù không thời hạn để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu K là có căn cứ cần chấp nhận, việc đề nghị mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Bùi Văn L là chưa phù hợp với vai trò và nhân thân của bị cáo trong vụ án.

Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo đã phân tích tính chất của vụ án, nhân thân của các bị cáo, nêu ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị xử phạt bị cáo K ở mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là cần thiết.

Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Hữu K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Văn L, ngoài lần phạm tội này bị cáo Bùi Văn L đã 03 lần phạm tội và đã bị các Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa xét xử về các tội danh Cướp tài sản, Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo L đã có thời gian dài đi cải tạo, chấp hành án song bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện, muốn có nhiều tiền một cách nhanh chóng, nên đã thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Bị cáo Bùi Văn L đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; những người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 502,53 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại sau khi giám định.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme (thu giữ của Bùi Văn L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi (thu giữ của Nguyễn Hữu K); 01 bao gạo có khối lượng 4kg.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn L: 01 căn cước công dân số 038072012924 mang tên Bùi Văn Luận; 01 ví giả da màu đen đã cũ có chữ lacoste.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu K: 01 căn cước công dân, 01 ví giả da.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về các vấn đề khác:

Nguyễn Hữu K và Bùi Văn L khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người đàn ông bán ma túy, nên chưa có đủ cơ sở để điều tra làm rõ.

Các bị cáo Nguyễn Hữu K và Bùi Văn L khai đối tượng tên là Sùng A L ở bản S, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là người giới thiệu để mua ma túy. Kết quả xác minh tại địa chỉ trên có một người tên là Sùng A L – sinh năm 1987. Tiến hành cho K và L nhận dạng Sùng A L qua ảnh thì K và L đều nhận ra Sùng A L; tiến hành xác minh Sùng A L không có mặt tại nơi cư trú. Ngoài ra, K và L

khi liên lạc với Sùng A L, Sùng A L sử dụng số điện thoại 0344.392.721; kết quả tra cứu số điện thoại này không xác định được tên tuổi, địa chỉ của chủ thuê bao, nên chưa có đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Sùng A L, do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, có đủ căn cứ sẽ xử lý sau. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 39 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn L tù chung thân.
- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/5/2022.

2.2. Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 20 (Hai mươi) năm tù.
- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/5/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 502,53 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.
- 01 bao gạo có khối lượng = 4kg vỏ bao màu đỏ, xanh, mặt ngoài vỏ bao in chữ CK199.

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu realme, vỏ màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của Bùi Văn L).
- 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, vỏ màu đen, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Hữu K).

*** Trả lại cho bị cáo Bùi Văn L:**

- 01 căn cước công dân số 038072012924, mang tên Bùi Văn L, cấp ngày 12/01/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an (thu giữ của Bùi Văn L).
- 01 ví giả da màu đen đã cũ có chữ: lacoste (thu giữ của Bùi Văn L).

*** Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu K:**

- 01 căn cước công dân số 038083014489, mang tên Nguyễn Hữu Kiên, cấp ngày 17/6/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an (thu giữ của Nguyễn Hữu K).

- 01 ví giả da màu đen đã cũ (thu giữ của Nguyễn Hữu K).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 12/9/2022).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Hữu K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2022).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (Thông báo);
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao;
- Phòng Hành chính, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn